

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N7
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HSST

Ngày: 16/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N7
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **TTN**.

Các Hội thẩm:

1. Ông: **NVH**.

2. Bà: **LTHH**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **LTVT** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã N7, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N7 tham gia phiên tòa: **NHN** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N7, tỉnh H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2017/HSST ngày 30/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NVT**, sinh năm 1996 (Tên gọi khác **L**); trú tại: **KVA**, phường **B**, thị xã **C**, tỉnh **H**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông: **NVP**- sinh năm 1971 (đã chết) và bà: **NTL**- sinh năm 1972; tiền sự, tiền án: Không; bị khởi tố ngày 11/5/2017 cho bị cáo tại ngoại để điều tra cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông **THT**, sinh năm 2000. (Vắng mặt)

Người giám hộ của người bị hại: Ông **TVT**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: **Kv A**, phường **H**, tx **N**, tỉnh **H**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà **LBP**, sinh năm 1987.

Trú tại: **Kv A**, phường **L**, tx **N**, tỉnh **H**. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo NVT bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã N7 truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 19/11/2016, THT, sinh năm 2000, ĐKTT: KVA, Phường H, TX N, tỉnh H đến Miếu Bà thuộc KVA, phường B, thị xã C, tỉnh H uống rượu cùng những người bạn gồm: NVT (Lâm) và NTT, sinh năm 2002. ĐKTT: KVA, phường B, thị xã C, tỉnh H, LTD (Cu), sinh năm 2000, TKT, sinh năm 2000, cùng ĐKTT: khu vực 3, Phường H, TX N, tỉnh H, HVC, sinh năm 2000, ĐKTT: khu vực 4, Phường H, TX N, tỉnh H. L, K và B (không rõ nhân thân, lai lịch), trong lúc uống rượu thì LTD có mượn điện thoại cảm ứng Lenovo BL234 màu đen của THT để nghe nhạc, cả nhóm uống được khoảng 02-03 lít rượu trắng thì anh Th, Tu say rượu ngủ tại Miếu Bà, đến khoảng 23giờ cùng ngày Đ và Tr có cự cãi qua lại thì Đ đưa điện thoại của Th cho NVT nhờ NVT trả cho Th và NVT để điện thoại vào túi quần của Th. Lúc này Th còn ngủ, sau khi cự cãi xong thì Đ, Tr, L, K, Ch đi về trước còn lại Th và Tu xin nằm ngủ lại Miếu Bà, NVT và B cũng đi về, B ra trước cổng rào Miếu Bà đợi NVT thì lúc này điện thoại của Th đổ chuông mà Th và Tu say rượu đã ngủ nên NVT nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại của Th. NVT lén lút tiếp cận và lấy điện thoại từ túi quần của Th bỏ vào túi quần của mình. Sau đó NVT đi ra trước Miếu Bà về cùng với B (B không biết NVT đã lấy trộm điện thoại của Th). Khi về đến nhà NVT lên mạng Zalo chơi khoảng 10 phút thì NVT sợ Th gọi điện thoại vào máy nên đã tắt nguồn điện thoại đi ngủ, đến 01 giờ sáng ngày 20/11/2016 thì Th phát hiện bị mất điện thoại cảm ứng Lenovo của mình. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày Th đến nhà và hỏi NVT có lấy điện thoại của Th không thì NVT nói không có lấy, sau đó NVT nghe tin là Th và gia đình Th đến trình báo sự việc bị mất điện thoại tại cơ quan Công an. Đến ngày 26/11/2016 do cần tiền tiêu xài NVT mang điện thoại cảm ứng Lenovo màu đen đi cầm cho LBP, chủ tiệm cầm đồ HP thuộc Kv A, phường L, tx N, tỉnh H với số tiền 900.000đ (chín trăm ngàn đồng) lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 29 ngày 11/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự thị xã N7 kết luận: 01 cái điện thoại di động Lenovo giá trị còn lại 98% trị giá 3.126.200 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm đồng).

Tang vật Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã N7 thu giữ gồm: 01 cái điện thoại Lenovo màu đen.

Về xử lý tang vật: Vào ngày 11/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã N7 ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bị hại THT 01 cái điện thoại Lenovo màu đen.

Tại bản cáo trạng số 20/QĐ – KSĐT ngày 26/6/2017 Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N7 đã truy tố NVT về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo NVT khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo đối chiếu phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, từ đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo đúng với nội dung cáo trạng đã truy tố như sau:

Vào khoảng 21 giờ, ngày 19/11/2016 tại Miếu Bà thuộc KVA, phường B, thị xã C, tỉnh H bị cáo NVT đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 cái điện thoại di động Lenovo của THT. Với giá trị của cái điện thoại là 3.126.200 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm đồng), sau khi lấy trộm được cái điện thoại di động của bị hại thì đến ngày 26/11/2016 bị cáo đã mang cái điện thoại đến tiệm cầm đồ của bà LBP cầm với số tiền 900.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Qua quá trình điều tra và kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa bị cáo NVT đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo, cho thấy bị cáo là đối tượng ăn chơi lêu lổng, muốn có tiền tiêu xài, nhưng không muốn lao động chân chính, nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ nhận thức về hành vi của mình là vi phạm, tội phạm và trong ý thức bị cáo nhận thức rất rõ đó là thu nhập bất chính, chỉ xuất phát từ bản chất lối sống lười lao động, nhưng thích hưởng thụ mà bị cáo đã lợi dụng đêm khuya, bị hại đã ngủ say nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt; đồng thời qua đó cũng cho thấy ý

thức xem thường pháp luật của bị cáo là rất cao, thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, táo bạo. Với trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 3.126.200 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N7 đã truy tố bị cáo NVT về tội trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo không chỉ xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương nên cần thiết phải buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt nhất định, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng xét về nhân thân bị cáo: chưa tiền án, tiền sự; bị cáo không biết chữ nên hạn chế nhận thức đối với pháp luật; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội và bị khởi tố điều tra và cũng như tại toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo qui định tại Điều 46 Bộ luật hình sự.

Mặt khác, xét thấy ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt: không vi phạm pháp luật, chấp hành tốt quy định tại địa phương; bản thân bị cáo có lai lịch và nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo và không cần bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, xử phạt bị cáo hình phạt tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án phạt cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Tại toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N7 đề nghị về trách nhiệm hình sự áp dụng khoản 1, Điều 138, điểm h, p khoản 1, Điều 46, Điều 60 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo NVT với mức án 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho bà LBP số tiền 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng).

Xét thấy đây là mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vật chứng trong vụ án: Đã xử lý xong nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo NVT phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà LBP số tiền 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng).

Bên cạnh trách nhiệm hình sự, bị cáo còn phải đóng án phí theo Nghị quyết 326/2016 Nghị quyết Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo, người bị hại, người giám hộ của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo NVT phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 3, Điều 45, điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự.

- + Xử phạt bị cáo NVT 09 (chín) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 18 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 16/8/2017). Giao bị cáo NVT cho Ủy ban nhân dân Phường H, TX N, tỉnh H giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo NVT phải bồi thường cho bà LBP số tiền 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng).

- Về vật chứng trong vụ án: Đã xử lý xong nên không xem xét.
- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 BLTTHS và các Điều 21, 23, 26, 27 Nghị quyết 326/2016 Nghị quyết Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo NVT phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 24 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo NVT phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong Tr hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người giám hộ của người bị hại, người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND cấp xã nơi cư trú.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh H;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- VKSND .TX. N7;
- Chi cục THA. TX. N7;
- Công an .TX. N7;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TTN